

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

Năm 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300716891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/11/2012.
- Vốn điều lệ: 95.699.830.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 95.699.830.000 đồng
- Địa chỉ: 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận. 11, TP.HCM
- Số điện thoại: (08) 3956.0169
- Số fax: (08) 5405.1353
- Website: www.savitechco.com.vn
- Mã cổ phiếu: SVT

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông là một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập vào năm 1976. Tháng 08/1996 Công ty có tên là Công ty Xe đạp Xe Máy Sài Gòn - trực thuộc Sở Công Nghiệp TP.HCM. Trải qua 38 năm, Công ty đã có nhiều chuyển biến thay đổi phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội và kinh tế đất nước.
- Tháng 01/2000 Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM quyết định chọn Công ty Xe đạp Xe máy Sài Gòn là một trong những Doanh nghiệp đủ điều kiện để thực hiện cổ phần hóa. Đến tháng 12/2003, Công ty Cổ phần Xe đạp Xe máy Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động với mô hình công ty cổ phần.
- Ngày 10/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông để phù hợp với chiến lược đa dạng hóa ngành hoạt động và xu thế phát triển của quá trình hội nhập quốc tế.
- Ngày 05/10/2011, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM đã tiến hành các nghi lễ trao giấy chứng nhận niêm yết cho Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông (Savitech) và chính thức khai mạc phiên giao dịch đầu tiên cổ phiếu SVT với giá tham chiếu 18.000 đồng/cp. Số lượng cổ phiếu niêm yết tới ngày 31/12/2012 là 9.569.983 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

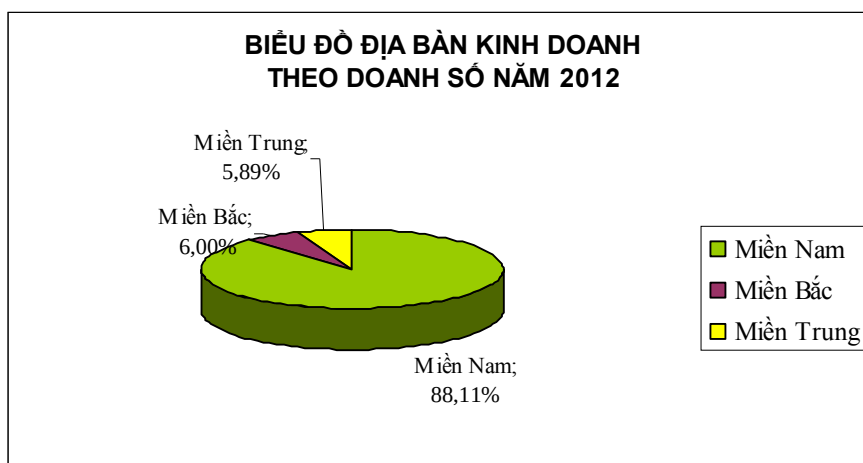
▲ Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh xe đạp, xe máy, ô tô và phụ tùng thay thế.
- Gia công cơ khí và nhiệt luyện.

- Sản xuất kinh doanh mua bán giấy và các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành in, ngành giấy.
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi.
- Đào tạo nghề, ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non, giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học.
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.
- Đầu tư tài chính.

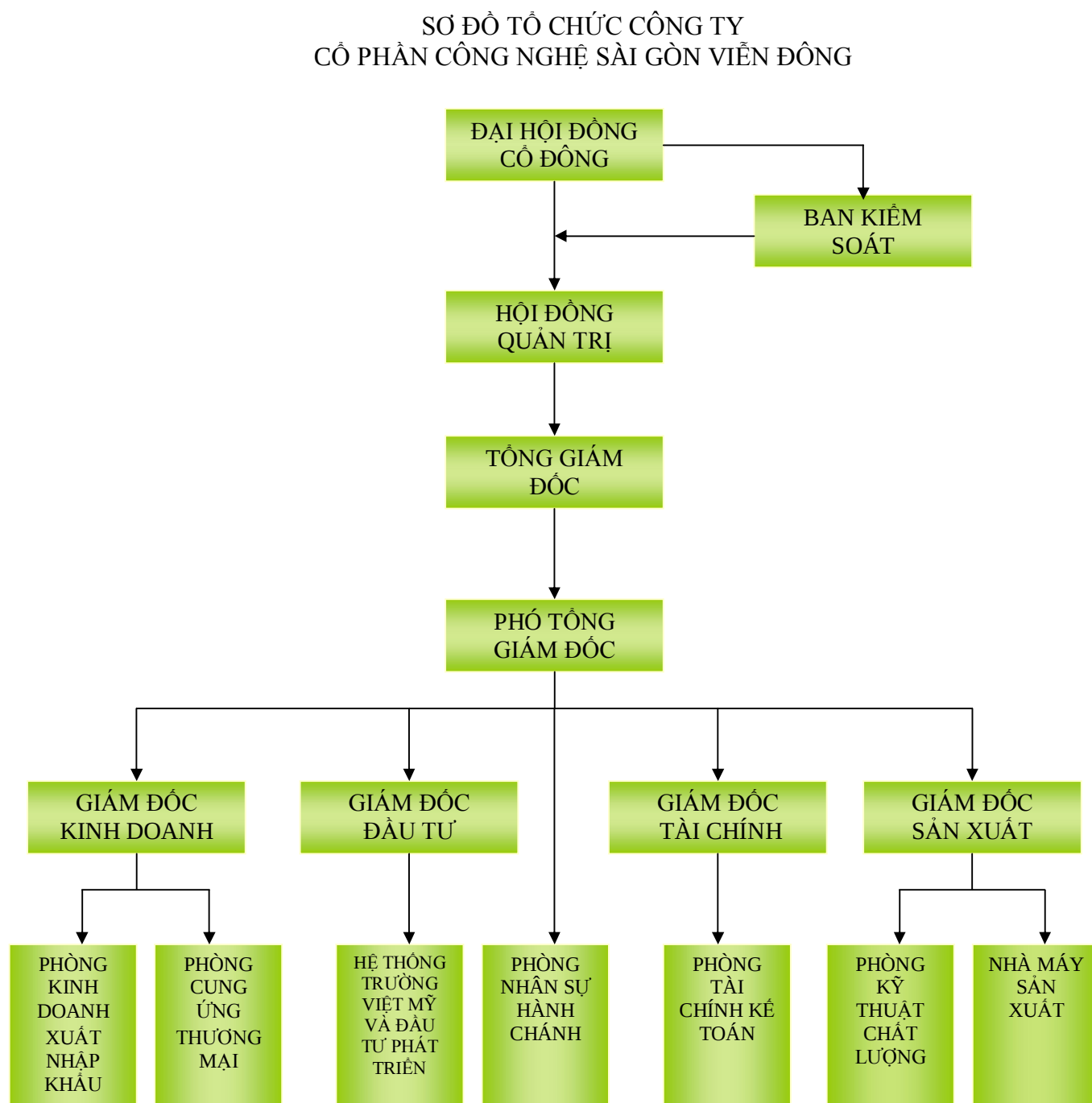
▲ Địa bàn kinh doanh:

Bao gồm các tỉnh thuộc khu vực Miền Nam, Miền Trung và Miền Bắc.



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

➤ Mô hình quản trị:



➤ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành, có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc và Các Giám đốc chức năng là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao.

Phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu:

Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, xây dựng dự thảo chiến lược chung;
Lập mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn trên cơ sở kế hoạch được giao;
Theo dõi, thống kê và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và kế hoạch năm cho Ban điều hành;
Thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch kinh doanh, tiêu thụ và thị trường đã được phê duyệt về các ngành hàng: sản phẩm văn hóa giáo dục, phụ tùng xe máy, phụ tùng xe đạp và xe đạp nguyên chiếc;
Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành.

Phòng Cung ứng – Thương mại:

Lập kế hoạch và thực hiện cung cấp vật tư, nguyên nhiên vật liệu, thiết bị theo kế hoạch sản xuất của Công ty.
Lập kế hoạch mua các sản phẩm văn hóa giáo dục: giấy văn phòng phẩm, giấy tập học sinh, giấy tiêu dùng, sách, báo, đồ dùng học sinh ...
Tiếp nhận, sắp xếp, bảo quản kho và bảo đảm an toàn nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thành phẩm, hàng hóa; xuất nhập vật tư, xuất nhập hàng hóa;
Chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch dịch vụ gia công nhiệt luyện, sản phẩm văn hóa giáo dục đã được giao; củng cố và mở rộng thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng ngành hàng dịch vụ gia công, thương mại hàng năm;
Trực tiếp thực hiện việc phát triển các mặt hàng mới thuộc các mảng thương mại.
Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành.

Phòng quản lý Hệ thống trường Việt Mỹ và Đầu tư – Phát triển:

Tham mưu HĐQT, Tổng giám đốc về chiến lược đầu tư và phát triển;
Quản lý dự án phát triển Hệ thống Trường Quốc Tế Việt Mỹ;

Lập kế hoạch và thực hiện việc tìm kiếm, khai thác các dự án đầu tư mới phù hợp với định hướng chiến lược của HĐQT, Ban điều hành;

Chuẩn bị nội dung và tài liệu để Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tiếp xúc, đàm phán với các đối tác trong và ngoài nước về hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết thực hiện dự án;

Quản lý, giám sát tình hình triển khai và hoạt động của các dự án Công ty đầu tư, kiến nghị các biện pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của HĐQT, Tổng Giám đốc.

Phòng Tài chính – Kế toán:

Lập và cân đối các kế hoạch tài chính nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư mới của Công ty;

Kế toán tiêu thụ tính toán kết quả sản xuất kinh doanh, tổng hợp kiểm kê thành phẩm định kỳ cũng như đột xuất;

Tư vấn, tham mưu cho Tổng Giám đốc về chiến lược tài chính (cơ cấu tài sản nợ, nguồn vốn và chi phí vốn...); quyết định đầu tư, quản lý điều hành; kiểm soát nội bộ để đảm bảo tạo giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông;

Tổng hợp, báo cáo quyết toán hàng tháng, quý, năm theo quy định;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành.

Phòng Hành chính – Nhân sự:

Xây dựng dự thảo cơ cấu tổ chức bộ máy; Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty;

Thực hiện công tác đào tạo và nâng bậc cho cán bộ công nhân viên, các chế độ bảo hiểm xã hội; bảo vệ an ninh nội bộ; quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên;

Mua sắm, quản lý tài sản của Công ty;

Thực hiện việc kiểm soát tài liệu, hồ sơ chất lượng; ghi chép số liệu, phân tích đánh giá và báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ cũng như yêu cầu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000...

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành.

Phòng Kỹ thuật – Chất lượng:

Nghiên cứu, đề xuất áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, tăng chất lượng và giảm giá thành sản phẩm;

Nghiên cứu chế tạo phụ tùng, khuôn mẫu thay thế, cải tiến thiết bị theo yêu cầu để phục vụ cho sản xuất;

Sửa chữa máy móc thiết bị kịp thời phục vụ cho sản xuất. Bảo dưỡng, sửa chữa và chế tạo lắp đặt các thiết bị điện, động lực, hệ thống truyền dẫn được phân công. Quản lý hệ thống truyền dẫn chính: điện, nhiệt, khí nén, nước;

Kiểm tra các công đoạn sản xuất, giám sát quá trình sản xuất và cung ứng đầu vào cho sản xuất nhằm đảm bảo nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra đạt các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định;

Xác định, lập các định mức kỹ thuật vật tư;

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành.

Nhà máy Sản xuất:

Thực hiện các kế hoạch sản xuất, gia công nhiệt luyện trên cơ sở đảm bảo về số lượng, chất lượng và tiến độ thời gian;

Quản lý nhân sự Nhà máy, máy móc thiết bị, an toàn lao động, vệ sinh lao động môi trường, phòng chống cháy nổ. Quản lý vật tư, phụ tùng dùng cho MMTB và điện thuộc Nhà máy;

Xây dựng, thực hiện và quản lý kế hoạch bảo hộ lao động; quản lý các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định;

Nghiên cứu, đề xuất áp dụng các biện pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động, tăng chất lượng và giảm giá thành sản phẩm;

Tham gia các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, thiết kế sản phẩm mới.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban điều hành.

▲ Công ty con, công ty liên kết:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Tên Công ty liên kết	Ngành nghề	Vốn điều lệ	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá trị
1. Trường Tiểu Học Dân Lập Việt Mỹ	Văn hóa-Giáo dục	2.500	35%	875
2. Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ	Văn hóa-Giáo dục	2.000	40%	800
3. Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh	Văn hóa-Giáo dục	2.000	40%	800
4. Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Giáo Dục Hoàng Việt	Văn hóa-Giáo dục	13.500	30%	2.549

Cộng

5.024

(Giá trị ở trên đã trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính; Nguyên giá là 6.975 triệu đồng)

5. Định hướng phát triển

▲ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xác định rõ mục tiêu phát triển như sau:

- Hoạt động chiến lược trọng tâm của SVT là khai thác hiệu quả lĩnh vực đầu tư giáo dục với chuỗi hệ thống 11 trường song ngữ Việt Mỹ (Vaschools) đào tạo các cấp học từ mầm non đến hết lớp 12 tại TP. Hồ Chí Minh và các khu đô thị lớn ở các tỉnh thành phía Nam.
- Hiện nay, lĩnh vực đầu tư phát triển giáo dục được nhà nước khuyến khích và dành cho nhiều chính sách ưu đãi như miễn tiền thuế sử dụng đất làm trường học, tài trợ 100% lãi vay ngân hàng cho các dự án xây dựng trường lớp trọng điểm...
- Bên cạnh đó Công ty không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh thương mại, sản xuất và dịch vụ truyền thống nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông; cải thiện

điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

▲ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển và nhân rộng hệ thống trường song ngữ Việt Mỹ rộng khắp cả nước, kết hợp với đầu tư hệ thống chuỗi nhà sách Metrobook.
- Đầu tư chiều sâu, mở rộng năng lực sản xuất cho ngành nghề cơ khí truyền thống của Công ty.
- Thực hiện các dự án đầu tư mang tầm chiến lược nhằm đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh để củng cố và nâng cao thương hiệu của Công ty.
- Hợp tác triển khai các dự án tại các công ty mà SAVITECH tham gia đầu tư liên kết.

Savitech định hướng trở thành một Công ty lớn mạnh hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, thương mại và sản xuất nhằm tận dụng khai thác hết các lợi thế về tài chính, mặt bằng, nhà xưởng, quy trình công nghệ, nguồn nhân lực của Công ty và các Công ty mà SAVITECH tham gia đầu tư liên kết.

▲ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Tuân thủ các quy định đối với việc bảo vệ môi trường như: Quản lý nguồn nước, khí thải và chất thải. Tiến đến nghiên cứu và sử dụng túi nylon thân thiện với môi trường cho việc đóng gói sản phẩm, giảm năng lượng tiêu hao trong sản xuất, vận chuyển để giảm lượng khí CO₂...

Tạo nhiều công ăn việc làm, tăng chế độ phúc lợi, chăm lo sức khỏe và an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và tham gia các hoạt động mang tính xã hội, cộng đồng.

6. Các rủi ro đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty.

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro về kinh tế hình thành từ sự biến động của các yếu tố cơ bản của nền kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, ... Các yếu tố khách quan này ảnh hưởng trực tiếp đến mọi doanh nghiệp, tác động đến kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (SAVITECH) hoạt động chính trong các lĩnh vực: đầu tư giáo dục, kinh doanh các sản phẩm văn hóa giáo dục (giấy văn phòng, giấy tập học sinh...) và hoạt động cơ khí (sản xuất xe đạp và phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe máy, gia công nhiệt luyện). Là một bộ phận của nền kinh tế, SAVITECH tất yếu chịu ảnh hưởng bởi tình hình phát triển chung của nền kinh tế và đối mặt với các loại rủi ro về kinh tế.

▲ Rủi ro tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Trong thời gian tới, môi trường kinh tế toàn cầu vẫn còn rất mong manh và có thể tiếp tục gây thất vọng. Theo công bố mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB) về tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ ở mức khá yếu, vào khoảng 2,4% trong năm 2013, sau đó dần dần mạnh lên đến 3,1% trong năm 2014 và 3,3% trong năm 2015.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2013 được nhiều chuyên gia và các tổ chức kinh tế dự báo có thể đạt mức 5,7% cao hơn so với mức 5,03% của năm 2012 và lạm phát ở mức 8% thấp hơn so với mức tăng bình quân 9,2% của năm 2012. Đây là tín hiệu tương đối lạc quan trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu vẫn còn suy thoái. Tuy nhiên kinh tế Việt Nam

phải đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro do tiếp tục kế thừa năm 2012 bao gồm những vấn đề tồn đọng then chốt có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế như: nợ xấu, bất động sản đóng băng, sức mua giảm sút và các doanh nghiệp đứng bên bờ vực phá sản.

▲ **Rủi ro lạm phát và giá cả:**

Lạm phát là một trong các nguyên nhân quan trọng dẫn đến các rủi ro tài chính của doanh nghiệp: như rủi ro tăng nguyên liệu đầu vào, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Năm 2012 chính phủ đã tập trung thực hiện các biện pháp nhằm kiềm chế lạm phát và đã phát huy tác dụng, qua đó tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng cả năm ở mức 6,81% thấp hơn so với mức tăng trong năm 2010 và 2011 (nguồn: Tổng cục Thống kê).

Năm 2013, tốc độ tăng giá tiêu dùng trong nước được dự báo vẫn ở mức 7-8% và điều này tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

▲ **Rủi ro về tỷ giá:**

Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông kinh doanh các loại giấy Duplex, Couche, Ivory, Ford, giấy Photocopy IK Gold và một số nguyên liệu phục vụ cho sản xuất phụ tùng xe được nhập khẩu từ nước ngoài, đồng tiền được thanh toán chủ yếu là đồng đôla Mỹ (USD). Trong khi đó sản phẩm của Công ty lại được tiêu thụ ở thị trường trong nước. Do đó sự biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD sẽ làm tác động rất lớn đến chi phí đầu vào của Công ty và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã triển khai các biện pháp hạn chế rủi ro từ tỷ giá như trích dự phòng chênh lệch tỷ giá, thực hiện các công cụ bảo hiểm rủi ro tỷ giá, chuyển một phần chênh lệch tỷ giá vào giá bán hàng hóa; đồng thời, SAVITECH luôn có kế hoạch dự trữ vật tư, hàng hóa phù hợp trên cơ sở phân tích và dự báo tỷ giá cho từng giai đoạn, trung bình từ một đến hai quý.

▲ **Rủi ro về lãi suất:**

Trong quá trình thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh đặc biệt là các dự án phát triển hệ thống trường Việt Mỹ ngày càng lớn mạnh, Công ty sẽ cần rất nhiều vốn; Để giải quyết vấn đề thiếu vốn Công ty sẽ có nhiều giải pháp song giải pháp sử dụng đòn bẩy tài chính cũng rất cần thiết. Tuy vậy lãi suất vay hiện nay ở mức 12-15%/năm (chưa kể các loại phí và lệ phí khác) là một áp lực rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, sức mua giảm sút... Tuy nhiên, do Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực được khuyến khích đầu tư và hỗ trợ 100% lãi suất nên sự biến động lãi suất trên thị trường vốn không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

6.2. Rủi ro đặc thù:

▲ **Rủi ro về pháp luật:**

Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông chịu sự điều chỉnh chủ yếu của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác như: Luật Thương mại, Luật Thuế xuất nhập khẩu... Sự thay đổi của văn bản pháp luật Việt Nam sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật được hoàn thiện với mục tiêu hướng đến sự ổn định, thông thoáng sẽ tác động tích cực đến sự phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

▲ **Rủi ro về cạnh tranh:**

Sự cạnh tranh sản phẩm, cạnh tranh ngành là không thể tránh khỏi. Nhưng đó cũng là những cơ hội để SAVITECH không ngừng cải tiến ngày càng hiệu quả hơn, đem lại lợi ích cho khách hàng và tạo giá trị gia tăng cho xã hội.

Với mặt hàng phụ tùng xe máy, xe đạp, và gia công nhiệt luyện,... Công ty chịu sự cạnh tranh của hàng hóa từ Trung Quốc và Ấn Độ nhập khẩu bằng đường tiểu ngạch vào Việt Nam. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn nỗ lực cải tiến trong tất cả các khâu sản xuất và kinh doanh nhằm tiết giảm giá thành, áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời đẩy mạnh xây dựng thương hiệu và hệ thống tiêu thụ vững mạnh để tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty.

Về các sản phẩm văn hóa giáo dục, với định hướng trở thành nhà phân phối giấy văn phòng phẩm, giấy tập học sinh, giấy tiêu dùng, sách, truyện... SAVITECH đã xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các khách hàng lớn như các Công ty Văn hóa và Thiết bị trường học ở khắp các tỉnh thành, và các hệ thống siêu thị sách...

▲ **Rủi ro do biến động giá cổ phiếu niêm yết:**

Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ góp phần xác định vị thế thương hiệu, uy tín của SAVITECH, tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu SAVITECH, mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường vốn của Công ty cùng những lợi ích khác mà việc niêm yết cổ phiếu đem lại.

Bên cạnh đó, SAVITECH và các nhà đầu tư tất yếu sẽ phải đối mặt với rủi ro về biến động giá cổ phiếu niêm yết. Sự tăng, giảm giá cổ phiếu SAVITECH do nhiều yếu tố tác động nên, ví dụ như: tình hình kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, tình hình kinh tế chính trị xã hội vĩ mô, xu hướng chung của thị trường chứng khoán, cung – cầu cổ phiếu của Công ty hay các yếu tố về tâm lý của nhà đầu tư...

6.3. Rủi ro khác:

Một số rủi ro khác rất ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động của nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng như động đất, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong những năm qua Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn xác định đầu tư vào ngành giáo dục là chiến lược trọng tâm để SAVITECH phát triển bền vững. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi thì ngành kinh doanh Giấy thương mại và ngành Sản xuất phụ tùng xe vẫn đóng vai trò then chốt; tạo đà quan trọng để SAVITECH thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển dài hạn.

Năm 2012 nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn. Điều này đã tác động rất xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp, trong đó có Savitech.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Savitech chỉ thu được những kết quả chủ yếu sau:

Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)	Năm 2011	Năm 2012	% thực hiện 2012/2011	Kế hoạch Năm 2012	% hoàn thành Năm 2012
Tổng doanh thu	232.200	77.120	33,21%	189.107	40,78%
Lợi nhuận trước thuế	4.339	220	5,07%	15.008	1,47%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	613	0	0,00%	2.633	0,00%
Lợi nhuận sau thuế	3.725	220	5,91%	12.375	1,78%

Các chỉ tiêu tài chính như: Tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm so với năm trước và không hoàn thành kế hoạch đề ra; Nguyên nhân giảm do: Doanh thu và lợi nhuận của SAVITECH phụ thuộc rất nhiều vào sản lượng tiêu thụ hàng hóa và sản phẩm; Năm 2012 khó khăn của nền kinh tế khiến sức mua của thị trường giảm sút; các yếu tố vĩ mô đều không thuận lợi và hơn nữa đứng trước hàng trăm nghìn doanh nghiệp đang lâm vào tình trạng phá sản buộc Công ty phải chấp nhận chọn giải pháp kinh doanh an toàn, chủ yếu tập trung giải phóng hàng tồn kho, bảo toàn vốn cho cổ đông; Mặt khác vẫn duy trì công ăn việc làm cho người lao động trong Công ty.

Bảng chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2012

Yếu tố chi phí (Đvt: triệu đồng)	Năm 2011		Năm 2012	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Doanh thu thuần	228.654		75.017	
Giá vốn hàng bán	215.782	94,37%	67.312	89,73%
Chi phí bán hàng	3.882	1,70%	2.691	3,59%
chi phí quản lý doanh nghiệp	3.753	1,64%	2.239	2,98%
Chi phí hoạt động tài chính	4.203	1,84%	4.541	6,05%

- Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm các khoản chi phí mua hàng hóa, nguyên vật liệu, khấu hao giá trị tài sản cố định, nhân công và các chi phí phân bổ khác. Chi phí này chiếm tỷ trọng rất lớn chiếm khoảng 90-95% do đó Công ty luôn nghiên cứu để tìm ra các giải pháp nhằm giảm giá thành sản phẩm.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được Công ty kiểm soát rất tốt, tiết kiệm tối đa; Tỷ trọng 02 loại chi phí này trên doanh thu tăng là do doanh thu năm 2012 giảm rất nhiều so với năm 2011; trong khi đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty chủ yếu là dính phí.

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2012 là có lãi nhưng do sự giảm giá cổ phiếu và hiệu quả kinh doanh của các Công ty mà SAVITECH tham gia đầu tư góp vốn chưa đạt được như kỳ vọng, đã làm tăng chi phí dự phòng đầu tư tài chính kéo lợi nhuận của Công ty giảm xuống.

2. Tổ chức và nhân sự

▲ Danh sách Ban điều hành:

(Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết)

Họ và tên	Chức vụ
1. Ông Bùi Nam Long	Tổng Giám đốc
2. Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng giám đốc
3. Ông Võ Văn Hải	Giám đốc kinh doanh
4. Ông Nguyễn Thế Phụng	Giám đốc sản xuất
5. Ông Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển
6. Bà Mai Thị Trúc Giang	Giám đốc tài chính
7. Ông Võ Trần Quốc	Kế toán trưởng

1. Ông Bùi Nam Long

Ủy viên Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1971
		Nơi sinh	Nghệ An
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc ở cơ quan	84.8.39560169

Quá trình công tác:

- Từ 10/1995 đến 11/2000 : Nhân viên KD Cty Điện máy Miền Trung, Cty XNK NSTP Đà Nẵng
- Từ 11/2000 đến 09/2003 : Nhân viên BH Y Tế TP.HCM, Nhân viên BHXH TP.HCM
- Từ 10/2003 đến 03/2004 : Trưởng phòng Kinh doanh Cty CP Đăng Long
- Từ 04/2004 đến 09/2004 : Quyền TP KD Cung ứng XNK Cty CP Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn
- Từ 10/2004 đến 02/2005 : Trưởng phòng KD Cung ứng XNK Cty CP Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn
- Từ 03/2005 đến 06/2005 : PGĐ kiêm TP KD Cung ứng XNK Cty CP Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn
- Từ 07/2005 đến 12/2005 : Quyền Giám đốc điều hành Cty CP Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn
- Từ 01/2006 đến 10/2007: Giám đốc điều hành Cty CP Xe Đạp Xe Máy Sài Gòn
- Từ 11/2007 đến 06/2009 : Giám Đốc điều hành Cty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông
- Từ 07/2009 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông .

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013 : 73.584 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết : 0,77%

2. Bà Nguyễn Thị Thu			
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị- kiêm Phó Tổng Giám đốc			
Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1959
		Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.8.39233010
Quá trình công tác:			
■ Từ 1980 đến 1993 : Nhân viên Công ty Seaprodex TP.HCM ■ Từ 1994 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH Toàn Lực (Nay là CTCP TM Toàn Lực) ■ Từ 2004 đến nay: P.Chủ tịch HĐQT – Phó TGD CTCP Giấy Viễn Đông (Nay là CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông) ■ Từ 02/2008 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giấy Toàn Lực ■ Từ 8/2010 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT- Kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông			
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013	206.987 cổ phần		
Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	2,16%		

3. Ông Võ Văn Hải			
Giám đốc kinh doanh			
Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1970
		Nơi sinh	Quảng Trị
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.8.38559133
Quá trình công tác:			
■ Từ 1998 đến 2004: Phó Phòng XNK, CN Công ty XNK NSTP Đà Nẵng tại Tp.HCM ■ Từ 2004 đến 2008: Trưởng Phòng KD-XNK Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông ■ Từ 2009 đến 2009: Phó Giám đốc Công ty CP Chè Cà phê Di Linh ■ Từ 2009 đến nay: Giám đốc Kinh Doanh kiêm TP.KD-XNK Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông			
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013	: 356 cổ phần.		
Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	: 0,004%		

4. Ông Nguyễn Thế Phương			
Giám đốc sản xuất			
Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1957
		Nơi sinh	TP.HCM
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.8.62513235
Quá trình công tác:			

4. Ông Nguyễn Thế Phương

Giám đốc sản xuất

- Từ 1977 đến 1986: Nhân viên Kỹ thuật XNLH Mô tô Xe đạp
- Từ 1987 đến 1994: Phó Quản đốc sản xuất XN Phụ tùng số 2
- Từ 1995 đến 2003: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xe đạp Xe máy Sài Gòn
- Từ 2004 đến 2005: Quản đốc Sản xuất Công ty CP Xe đạp Xe máy Sài Gòn
- Từ 2005 đến 2006: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xe đạp Xe máy Sài Gòn
- Từ 2007 đến 2009: Phó Giám đốc Sản xuất Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông
- Từ 2009 đến nay: Giám đốc sản xuất Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013 : 2.037 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết : 0,02%

5. Ông Bùi Quang Minh

Ủy viên Hội đồng quản trị- kiêm Giám đốc đầu tư

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1986
		Nơi sinh	TP.HCM
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân thương mại
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.8.62917899

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến nay: Trưởng phòng Đầu tư Phát triển CTCP Thương mại Toàn Lực
- Từ 6/2010 đến nay: Trợ lý HĐQT
- Từ 8/2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Đầu tư Phát triển Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013 : 165.000 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết : 1,72%

6. Bà Mai Thị Trúc Giang

Giám đốc tài chính

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1968
		Nơi sinh	An Giang
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngành Ngân hàng
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	0908.270.709

Quá trình công tác:

- Từ 1994 đến 2004: Nhân viên Công ty CP TM Toàn Lực
- Từ 2004-2006: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Từ 2007 đến nay: Giám đốc tài chính CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Từ 8/2010 đến nay: Giám đốc Tài Chính Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông.

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013 : 39.309 cổ phần.

6. Bà Mai Thị Trúc Giang**Giám đốc tài chính**

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	: 0,41%
-----------------------------------	---------

7. Ông Võ Trần Quốc**Kế toán trưởng**

Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1983
		Nơi sinh	Quảng Trị
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán – Kiểm toán
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.8.22150194

Quá trình công tác:

- Từ 2004 đến 2006: Nhân viên kế toán tại Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về khoán sản.
- Từ 2006 đến 2008: Nhân viên Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông
- Từ 2008 đến 6/2010: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông
- Từ 7/2010 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông.

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013	: 1.100 cổ phần.
---	------------------

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	: 0,01%
-----------------------------------	---------

▲ Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có**▲ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

- Số lượng lao động tại 31/12/2012: 69 người
- Số lượng lao động bình quân năm: 82 người (giảm 15% so với năm 2011)
- Thu nhập bình quân người lao động: 4.900.000 đồng/người/tháng (giảm 13,20% so với năm 2011)
- Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào trình độ chuyên môn, thâm niên, năng lực đóng góp của người lao động đối với công ty, bảo đảm thu nhập ổn định cho người lao động. Việc chi trả lương cho người lao động chi trả một lần vào ngày 05 tháng sau.
- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng tháng 13 (theo kết quả đánh giá năng lực nhân viên cả năm), thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm, trao tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân và tập thể... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khích lệ người lao động yên tâm công tác.
- Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe định kỳ, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp và cải thiện môi trường làm việc, đào tạo về quản lý và nghiệp vụ chuyên môn... được Công ty thực hiện theo đúng quy chế của Công ty và quy định của pháp luật liên quan.
- Trong năm, Công ty phối hợp với Công đoàn và Đoàn Thanh niên, luôn tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động văn hoá, phong trào văn nghệ, thể thao, tạo sân chơi lành mạnh-bổ ích cho CBCNV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

▲ Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2012 Công ty không triển khai thực hiện bất kỳ dự án đầu tư mới nào; chỉ soát xét, bổ sung điều chỉnh, phê duyệt các phương án hợp tác kinh doanh chuyển tiếp từ những năm trước và tiếp tục chỉ đạo quá trình tái cơ cấu Công ty, gắn với tái cơ cấu tài chính - đầu tư tài chính dài hạn vào các Công ty thành viên, liên doanh, liên kết với tổng giá trị đầu tư tính đến ngày 31/12/2012 như sau:

Nhóm ngành kinh doanh chủ yếu	Giá trị đầu tư vào các nhóm ngành	Tỷ lệ đầu tư
1. Ngành văn hóa, Giáo dục  	12.001.713.830 đ	23,70%
2. Ngành Giấy, sản xuất-In 	19.067.663.689đ	37,65%

		
3. Ngành kinh doanh thương mại 	17.086.500.000đ	35,16%
4. Ngành chè, cà phê và nông sản  	1.774.774.816đ	3,5%
Tổng cộng	50.650.652.335đ	100%

▲ Các công ty con, công ty liên kết:

Hiện nay SAVITECH đang chuyển hướng đầu tư mạnh vào ngành giáo dục do đó các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết của SAVITECH chủ yếu là Hệ thống trường quốc tế Việt Mỹ Vaschools. Tính đến 31/12/2012 giá trị mà Savitech đã đầu tư góp vốn và xây dựng công trình trường học Việt Mỹ là khoảng 30 tỷ đồng.

Hệ thống trường quốc tế Việt Mỹ là hệ thống trường song ngữ đào tạo liên thông từ bậc Mầm non, Tiểu học, Trung học Cơ sở đến Trung học Phổ thông trong một môi trường giáo dục toàn diện: **Trí dục-Đức dục- Thể dục-Mỹ dục**. Qua đó xác định chất lượng giáo dục là giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển chung của hệ thống các trường quốc tế Việt Mỹ do SAVITECH đầu tư.

Trong hai năm liên Công ty liên tiếp nhận được các khoản cổ tức được chia từ Hệ thống trường quốc tế Việt Mỹ (năm 2011 là: 560 triệu đồng, năm 2012 là: 1.605 triệu đồng), điều này cho thấy tình hình hoạt động và tài chính của các Công ty liên kết là rất tốt, đầy triển vọng và sẽ còn phát triển lớn hơn phù hợp với chiến lược mà SAVITECH đã đặt ra.



(Trụ sở chính của Hệ thống Trường Quốc Tế Việt Mỹ tại địa chỉ 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2011	Thực hiện Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	151.018	131.275	-13,07%
Doanh thu thuần	228.654	75.017	-67,19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.607	-152	-104,21%
Lợi nhuận khác	731	373	-48,97%
Lợi nhuận trước thuế	4.339	220	-94,93%
Lợi nhuận sau thuế	3.725	220	-94,09%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,31	4,82
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,65	4,25
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

Hệ số Nợ /Tổng tài sản	%	27,11	15,86
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	37,18	18,85
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	10,72	5,22
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,51	0,57
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,63	0,29
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,38	0,20
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,47	0,17
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,58%	-0,20

- Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty lần lượt là 4,82 và 4,25 lần, cao hơn mức 1,5 lần; Đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn là rất tốt; Đồng thời tạo ra giá trị gia tăng do các tài sản ngắn hạn có giá trị cao hơn nợ ngắn hạn và dễ dàng chuyển đổi thành nguồn tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản năm 2012 chỉ chiếm 15,86%, giảm 11,25% so với năm 2011 do trong năm Công ty đã thanh toán nợ vay ngắn hạn, nợ vay dài hạn, nợ phải trả cho nhà cung cấp hàng hóa - dịch vụ, đồng thời Công ty đã tăng vốn điều lệ thêm 8,69 tỷ đồng. Cho thấy Công ty có đủ vốn và mức độ tự chủ về tài chính là rất cao. Thuận lợi cho việc mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về tỷ khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) đều giảm so với năm trước - nguyên nhân giảm như đã phân tích ở phần trên.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	9.569.983	cổ phiếu
<u>Trong đó:</u>		
Cổ phiếu phổ thông	9.569.983	cổ phiếu
Cổ phiếu khác (cổ phiếu quỹ...)	0	
Mệnh giá	10.000	đồng/cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông:

- Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 18/03/2013, do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM lập:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	138	9.569.983	100,00%
	Tổ chức	3	3.892.523	40,67%
	Cá nhân	135	5.677.460	59,33%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	
	Tổ chức	0	0	
	Cá nhân	0	0	
Tổng cộng		138	9.569.983	100,00%

- Thông tin về tỷ lệ sở hữu cổ đông:

DVT: 1.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng số vốn chủ sở hữu	95.699.830	100,00%			95.699.830	100,00%
CD sở hữu trên 5%	54.602.500	57,06%			54.602.500	57,06%
CD sở hữu từ 1 đến 5%	35.857.340	37,47%			35.857.340	37,47%
CD sở hữu dưới 1%	5.239.990	5,47%			5.239.990	5,47%

- Danh sách cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông lớn	Ngày 18/03/2013	
		Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông <i>129 Âu Cơ, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM</i>	3.184.007	33,27%
2	Công ty CP Giấy Toàn Lực <i>Lô A2-3 Đường N5, KCN Tây Bắc, xã Tân An Hội, Củ Chi</i>	708.510	7,40%
3	Bà Phạm Thị Xuân Tươi <i>36 Phan Văn Trị, P.2, Q.5, TP.HCM</i>	543.617	5,68%
4	Bà Huỳnh Thị Hoa Mai <i>1041/1A Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7, TP.HCM</i>	520.943	5,44%
5	Bà Lê Thị Minh Giang <i>115 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM</i>	503.173	5,26%
Cộng		5.460.250	57,06%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thời gian	Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VNĐ)
Đầu năm		8.700.000	87.000.000.000
Quý 4/2012	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011	869.983	8.699.830.000
Cuối năm		9.569.983	95.699.830.000

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 là năm đầy bất ổn đối với nền kinh tế thế giới khi một số nước trong Khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng, mức tăng trưởng kinh tế của Nhóm các nước có nền kinh tế phát triển (G7) rất thấp chỉ 0,7%, các nước thuộc nền kinh tế mới nổi (BRICS) như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ...tăng trưởng chậm lại chỉ dừng ở con số 4%. Theo Ngân hàng thế giới (WB) tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức khá yếu 2,3%.

Kinh tế Việt Nam cũng đã trải qua 01 năm đầy biến động và sóng gió. Chất lượng kinh tế vĩ mô tuy được cải thiện so với năm 2011, chỉ số lạm phát ở mức 6,81%; Nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế rất thấp, chỉ đạt 5,03% (mức thấp nhất trong vòng 13 năm qua). Năm qua cũng chứng kiến nhiều biến động của nền kinh tế như: tình hình nợ xấu tăng cao, bất động sản đóng băng, chỉ số VN-Index trượt dốc, thanh lọc ngành ngân hàng, lãi suất 06 tháng đầu năm rất cao, khả năng tiếp cận vốn khó, sức mua của thị trường giảm sút và có đến hơn 50.000 doanh nghiệp phá sản.

Trước những khó khăn và diễn biến khó lường của nền kinh tế; Được sự chỉ đạo sát sao, sự ủng hộ và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị; Với phương châm không lùi bước trước khó khăn, tập thể và Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung trí tuệ, nỗ lực không ngừng, áp dụng các giải pháp để đối phó với tình hình suy thoái; Mục tiêu hướng đến sự ổn định trong ngắn hạn để phát triển bền vững trong dài hạn.

Các chỉ tiêu năm 2012 và tiến độ thực hiện chỉ tiêu trong năm 2012

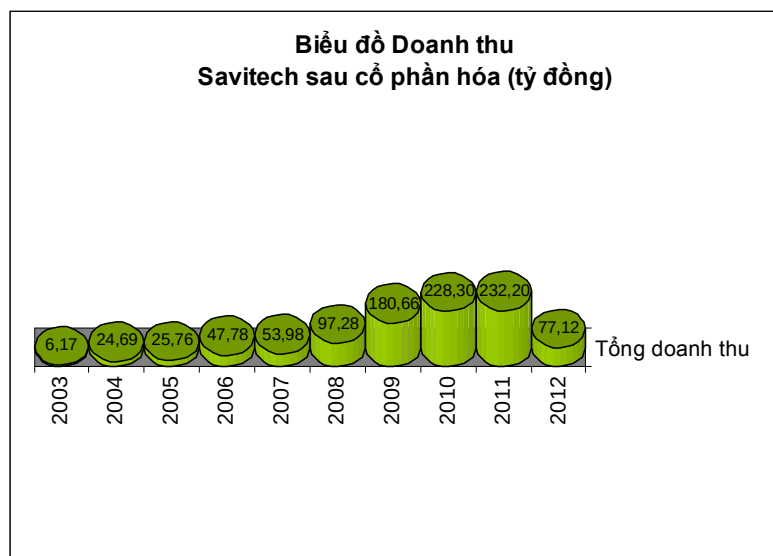
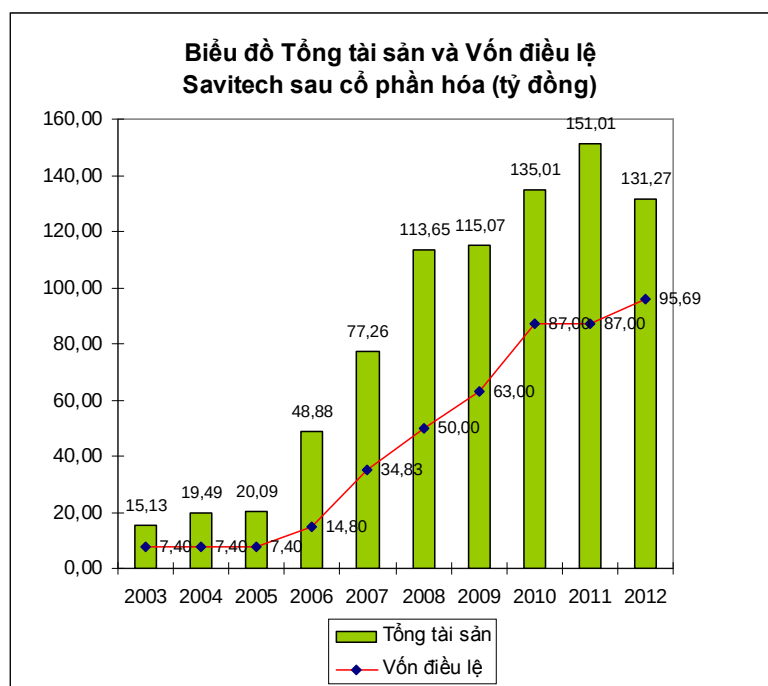
Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)	Chỉ tiêu năm 2012	Kết quả năm 2012	Hoàn thành kế hoạch
Tổng doanh thu	189.107	77.120	40,78%
Lợi nhuận trước thuế	15.008	220	1,47%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.633	0	0,00%
Lợi nhuận sau thuế	12.375	220	1,78%

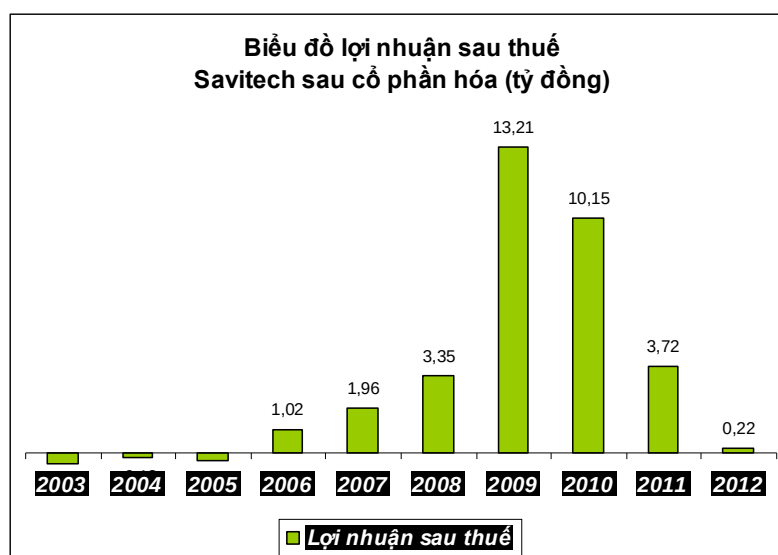
Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Sự suy giảm của nền kinh tế kéo lượng cầu tiêu dùng giảm xuống, các chi phí đẩy không ngừng tăng cao như: Giá xăng dầu, nguyên nhiên

vật liệu, lãi suất... là những cơ sở để Ban điều hành lựa chọn các giải pháp kinh doanh thận trọng, tập trung giải phóng hàng tồn kho, bảo toàn vốn cổ đông.

▲ Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Từ sau giai đoạn cổ phần hóa, SAVITECH luôn vận động và không ngừng lớn mạnh, đã khẳng định được uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường thể hiện qua số liệu về quy mô vốn, tổng tài sản, doanh thu và lợi nhuận đều tăng qua các năm. Tuy nhiên, trong quá trình vận động cũng không thể tránh được những tác động tiêu cực do sự suy thoái của nền kinh tế mang đến cho doanh nghiệp;





2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	55.904.132.108	68.314.172.367	(12.410.040.259)	-18,17%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.145.979.697	225.789.124	920.190.573	407,54%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	47.938.475.629	48.571.181.936	(632.706.307)	-1,30%
IV. Hàng tồn kho	6.629.782.033	19.179.731.750	(12.549.949.717)	-65,43%
V. Tài sản ngắn hạn khác	189.894.749	337.469.557	(147.574.808)	-43,73%
B. Tài sản dài hạn	75.371.007.253	82.704.501.608	(7.333.494.355)	-8,87%
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	
II. Tài sản cố định	24.686.708.830	24.619.922.324	66.786.506	0,27%
III. Bất động sản đầu tư	0	0	0	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	50.650.652.335	57.996.902.652	(7.346.250.317)	-12,67%
V. Tài sản dài hạn khác	33.646.088	87.676.632	(54.030.544)	-61,62%
Tổng cộng tài sản	131.275.139.361	151.018.673.975	(19.743.534.614)	-13,07%

Tổng tài sản của Công ty trong năm 2012 đã giảm 13,07% tương ứng 19,74 tỷ đồng so với năm 2011, trong đó: Tài sản ngắn hạn giảm 18,17% tương ứng 12,41 tỷ đồng, Tài sản dài hạn giảm 8,87% tương ứng 7,33 tỷ đồng; Do các khoản phải thu ngắn hạn giảm 1,3% tương ứng 0,63 tỷ đồng, Công ty tập trung bán hàng nhằm giải phóng hàng tồn kho để thu hồi vốn qua đó hàng tồn kho giảm 65,43% tương ứng 12,50 tỷ đồng, tiền bán hàng thu được Công ty dùng để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và làm vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nên các khoản tiền và tương đương tiền tăng 407,54% tương ứng 0,92 tỷ đồng; Các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm 12,67% tương ứng 7,34 tỷ đồng do trong năm Công ty có thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn 4,69 tỷ đồng, đầu tư thêm 1,25 tỷ đồng và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 3,90 tỷ đồng.

b. Tình hình nợ phải trả:

A.	Nợ phải trả	31/12/2012	01/01/2012	Chênh lệch	
				Số tiền	%
I.	Nợ ngắn hạn	11.595.123.605	29.609.036.719	(18.013.913.114)	-60,84%
	Vay và nợ ngắn hạn	2.900.841.111	6.546.699.022	(3.645.857.911)	-55,69%
	Phải trả cho người bán	2.161.581.250	15.215.730.182	(13.054.148.932)	-85,79%
	Người mua trả tiền trước	4.112.957.135	3.944.590.700	168.366.435	4,27%
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	303.033.359	1.388.630.173	(1.085.596.814)	-78,18%
	Chi phí phải trả	24.929.380	209.510.052	(184.580.672)	-88,10%
	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.797.552.962	1.948.777.182	(151.224.220)	-7,76%
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	294.228.408	355.099.408	(60.871.000)	-17,14%
II.	Nợ dài hạn	9.228.201.497	11.325.042.608	(2.096.841.111)	-18,52%
	Vay và nợ dài hạn	9.228.201.497	11.325.042.608	(2.096.841.111)	-18,52%
	Tổng cộng	20.823.325.102	40.934.079.327	(20.110.754.225)	-49,13%

Các khoản Nợ phải trả tính đến thời điểm cuối năm 2012 giảm 49,13% tương ứng 20,11 tỷ đồng so với năm 2011; Do trong năm Công ty thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn để giảm chi phí lãi vay, hạn chế rủi ro về lãi suất; Công ty cũng đã thanh toán các khoản phải trả người bán, đồng thời nộp các khoản thuế vào Ngân sách Nhà nước; Nên các khoản mục thuộc Nợ phải trả đều giảm so với năm trước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2012 Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện các hoạt động của Công ty như:

- Sắp xếp lại bộ máy nhân sự tại các bộ phận sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm tối đa các khoản chi phí không hợp lý, tối ưu hóa máy móc thiết bị trong sản xuất, thúc đẩy bộ phận kinh doanh tìm kiếm khai thác khách hàng mới và duy trì ổn định khách hàng tiềm năng của công ty.
- Thực hiện chính sách bán hàng, phân phối hợp lý, giữ được quy mô thị trường và khách hàng truyền thống.
- Đầu tư vào giáo dục là lĩnh vực trọng tâm được Hội đồng quản trị và Ban điều hành hoạch định, đây là chiến lược để Công ty phát triển lâu dài và ổn định nhằm tận dụng lợi thế về quỹ đất và vị trí mặt bằng thuận lợi mà SAVITECH đang có. Do đó, bên cạnh một số dự án liên quan đến giáo dục đã được Công ty hoàn công và bước đầu đem lại hiệu quả, tạo ra được giá trị gia tăng, Công ty đang tiếp tục nghiên cứu, hoạch định các dự án về giáo dục lớn hơn.
- Thực hiện tốt chính sách nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bổ sung và luân chuyển cán bộ quản lý trung-cao cấp; xây dựng và áp dụng hệ thống bảng lương mới theo quy định về mức lương tối thiểu của Chính phủ, bảo đảm việc chi trả tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng phù hợp, và thu nhập cho người lao động ổn định.
- Bên cạnh duy trì tốt hệ thống chất lượng ISO 9001:2000 mà Công ty đang áp dụng, Ban điều hành Công ty luôn tìm ra những chính sách và giải pháp quản lý mới phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Áp dụng và cải tiến công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, kinh doanh, quan hệ cổ đông và quan hệ khách hàng.
- Công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường khác theo quy định hiện hành của UBCKNN và Sở GDCK TP.HCM.
- Xây dựng tốt văn hoá công ty trên cơ sở tất cả CBCNV đồng thuận, tôn trọng và tuân thủ; liên kết hoạt động và chia sẻ những giá trị tinh thần-vật chất giữa cá nhân với công ty, đối tác, khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phương hướng hoạt động SXKD năm 2013.

4.1. Mục tiêu chung năm 2013:

- Hoạt động chiến lược trọng tâm của Savitech là khai thác hiệu quả lĩnh vực đầu tư giáo dục với chuỗi hệ thống 11 trường song ngữ Việt Mỹ (Vaschools) đào tạo các cấp học từ mầm non đến hết lớp 12 tại TP.HCM và các khu đô thị lớn ở các tỉnh thành phía Nam.
- Duy trì lĩnh vực kinh doanh giấy thương mại, tiếp tục mở rộng thị trường và tăng thị phần ngành sản xuất kinh doanh phụ tùng xe.
- Hợp tác triển khai các dự án tại các công ty mà Công ty SAVITECH tham gia đầu tư tài chính.
- Bảo đảm được việc làm ổn định cho người lao động; phát huy thương hiệu Savitech; bảo đảm mức tăng trưởng về doanh số, lợi nhuận.

4.2. Các chỉ tiêu kinh tế - tài chính chủ yếu năm 2013:

Bước vào năm 2013, theo các chuyên gia kinh tế nhận định: Tuy tình hình có cải thiện hơn, nhưng về cơ bản nền kinh tế đang đối diện với 4 thách thức: Nguy cơ tái lạm phát cao kèm theo sự trì trệ của thị trường sẽ làm cho tình hình khó khăn thêm; Tình hình nợ xấu chưa được cải thiện nên dòng tín dụng vẫn bị tắc nghẽn, nền kinh tế không hấp thụ được vốn; Tình trạng thừa tiền thiếu vốn còn kéo dài; Khả năng tiếp cận vốn của DN vẫn còn khó khăn; Khả năng kéo giảm lãi suất cho vay không nhiều, khó đáp ứng sự mong đợi của Doanh nghiệp; Những nỗ lực để làm ấm thị trường bất động sản chưa thể mang lại kết quả, nên thanh khoản của thị trường này khó được cải thiện...

Với bề dày xây dựng và phát triển, phát huy lợi thế của doanh nghiệp, HĐQT và Ban điều hành đề ra các mục tiêu phấn đấu và các chỉ tiêu kinh tế-tài chính năm 2013 như sau:

BẢNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2013

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	77.120	120.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	220	7.500
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	0	1.625
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	220	5.875

4.3. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch:

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2013 như trên, HĐQT và Ban điều hành sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Giám đốc Hệ thống trường Việt Mỹ nhằm khai thác hiệu quả hoạt động của nhà trường đặc biệt là hiệu quả tài chính. Không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, xây dựng thương hiệu Vaschool xứng tầm với quy mô tài chính, cơ sở vật chất cũng như trí tuệ, kinh nghiệm của đội ngũ giáo viên giàu chất lượng.
- Đối với các Công ty mà SAVITECH tham gia đầu tư tài chính, HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục cùng phối hợp hoặc cùng tham gia chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh (tùy thuộc vào vốn góp hoặc quyền hạn của Công ty) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị này để Công ty thu được cổ tức nhiều hơn, phù hợp hơn trong việc phát huy hiệu quả vốn mà Công ty đã đầu tư.
- Nâng cao sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường bằng công nghệ, chất lượng và giá cả sản phẩm cạnh tranh. Hoàn thiện hệ thống kênh phân phối để sản phẩm đến tay người tiêu dùng một cách thuận lợi nhất. Gia tăng hoạt động hậu mãi, chăm sóc khách hàng truyền thống, nhằm phát huy tối đa yếu tố hiệu quả kinh doanh trong các ngành nghề của Công ty.
- Khai thác tối đa tài sản Công ty như: Máy móc thiết bị hoạt động hết công suất, tối ưu hiệu quả trong doanh thu lợi nhuận, tăng cường việc thu hồi công nợ, giảm hàng tồn kho...
- Khuyến khích CBCNV tham gia đóng góp sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Cải tiến các quy trình sản xuất, tác nghiệp, hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả trong công việc.
- Tiếp tục các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài cho CBQL, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân viên, phát triển nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- Tiếp tục tăng cường công tác an toàn lao động-PCCC-bảo vệ môi trường, quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng sản phẩm, để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro, chống lãng phí.
- Duy trì việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đúng với quy định hiện hành của các Cơ quan chức năng, cung cấp thông tin cho các cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Tuy kết quả kinh doanh của Công ty không hoàn thành kế hoạch như sự kỳ vọng, song kết quả kinh doanh an toàn này phản ánh sự cố gắng và nỗ lực hết mình của toàn thể Ban điều hành và CBCNV của Công ty đã cùng nhau vượt qua cơn suy thoái kinh tế 2012.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2012 vừa qua, trong bối cảnh nền kinh tế đất nước nói chung và các doanh nghiệp nói riêng gặp rất nhiều khó khăn; Ban Điều hành Công ty đã đề xuất và thực hiện được nhiều biện pháp, giải pháp tài chính đồng bộ để đạt được kết quả an toàn. Tuy không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhưng Hội đồng quản trị đánh giá cao về năng lực hoạt động của Ban Điều hành. Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đưa ra.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Những khó khăn/thách thức:

- Những biến động và thách thức của kinh tế toàn cầu đã và đang tác động đến Việt Nam trên các mặt chủ yếu sau: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam suy giảm (tăng trưởng GDP năm 2012 của Việt Nam chỉ ở mức 5,03%); Nhu cầu nước ngoài giảm (đặc biệt cầu của Khu vực đồng Euro, Mỹ) sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam, các dòng vốn FDI và ODA vào Việt Nam; Căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông và Syria có thể tạo cú sốc về giá dầu, khiến giá cả thế giới biến động mạnh trở lại sẽ tiếp tục tạo áp lực lên lạm phát cũng như cán cân thương mại của Việt Nam trong những năm tới, Thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm và xu hướng tăng cường các rào cản thương mại tại các thị trường xuất khẩu chủ lực (Mỹ, EU, Nhật Bản) sẽ tạo nhiều khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt khi khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam còn yếu; Xu hướng tái cơ cấu kinh tế toàn cầu đang và sẽ đặt Việt Nam trước các thách thức mới, đòi hỏi những giải pháp mới phù hợp để đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong trung và dài hạn. Việc các nước chuyển đổi mô hình tăng trưởng xanh, hướng đến sử dụng các công nghệ mới, tiết kiệm và sử dụng năng lượng sạch sẽ tạo sức ép nâng cao năng lực cạnh tranh đối với Việt Nam.

- Bước sang năm 2013, khi công cuộc tái cơ cấu kinh tế mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu với mục tiêu ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, dự báo nền kinh tế vẫn tiếp tục khó khăn, hoạt động sản xuất vẫn chưa được cải thiện, nhu cầu tiêu thụ phục hồi chậm sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Theo số liệu mới công bố từ Tổng cục Thống kê, tỷ lệ thất nghiệp trong quý 1/2013 tăng so với năm 2012. Nguyên nhân là do hoạt động sản xuất của các Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn buộc Doanh nghiệp phải cắt giảm lao động để tiết kiệm chi phí.

- Giá xăng dầu đã tăng lên mức kỷ lục, giá các mặt hàng thiết yếu khác như: Điện và dịch vụ công cũng được đề nghị tăng tạo hiệu ứng làm chi phí đẩy tăng cao và hơn nữa là sẽ kích lạm phát tăng lên trong khi sức mua chưa được cải thiện.

- Theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng điều kiện để xác định thuộc Doanh nghiệp vừa và nhỏ đã thay đổi, Công ty không còn thuộc đối tượng trên, không còn được hưởng chính sách miễn giảm và gia hạn thuế; do đó Công ty sẽ phải cạnh tranh trong một môi trường khắc nghiệt hơn.

3.2. Những thuận lợi/cơ hội:

- Lĩnh vực đầu tư giáo dục của Savitech bước vào giai đoạn khai thác hiệu quả và sinh lợi, thông qua hệ thống Trường Việt Mỹ.

- Lợi thế cạnh tranh tốt của công ty trong ngành kinh doanh giấy thương mại với các khách hàng, nhà cung ứng lâu năm và tiềm năng.

- Năng lực sản xuất sản phẩm cơ khí, phụ tùng xe gắn máy dự kiến sẽ tăng thêm doanh thu sau khi thực hiện việc cơ cấu lại việc sản xuất và sắp xếp lại các máy móc thiết bị phù hợp.

- Theo tiến trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, Quốc hội, chính phủ sẽ tiếp tục xây dựng, sửa đổi bổ sung các luật liên quan để bảo đảm khung pháp lý đầy đủ, khả thi, cạnh tranh công bằng, theo định hướng hội nhập sâu rộng cho các doanh nghiệp.

3.3. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013 và những năm tiếp theo:

Trên cơ sở phân tích những khó khăn-thuận lợi của năm 2013, những mặt đã làm được-chưa làm được trong năm vừa qua, HĐQT định hướng chỉ đạo hoạt động trong năm thứ 5 của nhiệm kỳ II (2009-2013) như sau:

1. Hội đồng quản trị sẽ tập trung năng lực và trí tuệ để tìm giải pháp phát triển bền vững.
2. Sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt mục tiêu an toàn và hiệu quả đã đề ra.
3. Xem xét lại chương trình hành động và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 trong đó có tái cơ cấu nhân sự trong toàn công ty. Hoàn thiện các quy chế quản trị công ty, bảo đảm năng lực và hiệu quả quản lý phù hợp với Điều lệ, luật định và thực tiễn hoạt động của công ty và tập đoàn.
4. Chiến lược phát triển đầu tư mở rộng hệ thống Trường Việt Mỹ sau thời gian 05 năm tham gia đầu tư và xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất hệ thống Trường Việt Mỹ bước đầu đã thu được kết quả tài chính tích cực. Công ty SAVITECH sẽ tiếp tục khai thác hiệu quả dài hạn của hệ thống Trường Việt Mỹ từ năm 2013 trở đi. Công ty sẽ triển khai thực hiện giai đoạn 02 của Dự án đầu tư mở rộng cơ sở vật chất tại địa chỉ 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP.HCM theo dự án tổng thể đã được thiết kế, quy hoạch và phê duyệt từ năm 2009.
5. Tập trung quản trị chiến lược phát triển công ty; soát xét lại các danh mục đầu tư của các công ty liên kết và sẵn sàng thoái vốn tại các công ty liên kết hoạt động ổn định nhưng chưa bảo đảm mức sinh lợi kỳ vọng.
6. Duy trì họp thường kỳ hàng quý (mở rộng mời BKS, BTGD tham dự), hay bất thường để kịp thời chỉ đạo, giám sát và đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các tiểu ban thuộc HĐQT trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý/hàng năm của công ty, bảo đảm chất lượng tăng trưởng theo mục tiêu.
7. Duy trì chế độ CBTT minh bạch, công khai về tình hình quản trị công ty cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm lợi ích cao nhất cho cổ đông.
8. Duy trì chế độ chính sách phát triển nguồn nhân lực, đào tạo bổ sung đội ngũ CBQL kế thừa, nâng cao đời sống vật chất - tinh thần CBCNV- người lao động.
9. Xây dựng và phát triển thương hiệu SAVITECH, văn hóa doanh nghiệp, gìn giữ môi trường xanh-sạch-đẹp trong phạm vi công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ II được Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu cử tín nhiệm, có trách nhiệm và quyền hạn quản lý công ty hoạt động phù hợp với Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Cơ cấu, phân công thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2009-2013) được tóm tắt như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Ông Võ Nguyên Khôi	Chủ tịch	5.500	0,06
2	Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch	206.987	2,16
3	Ông Bùi Quang Khoa	Phó Chủ tịch	55.000	0,57
4	Ông Bùi Nam Long	Thành viên	73.584	0,77
5	Ông Bùi Quang Minh	Thành viên	165.000	1,72
Tổng cộng			506.071	5,29

(Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Hội đồng quản trị)

1. Ông Võ Nguyên Khôi			
Chủ tịch Hội đồng quản trị			
Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1972
		Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	08.8.38496643
Quá trình công tác:			
- Từ 1997 đến 2002 : Giảng viên Đại Học - Từ 2003 đến 2006 : Chủ tịch HĐQT Cty TM DV An Vinh - Từ 2007 đến 2008 : Phó TGD thường trực Cty phát triển BĐS Vạn Phát Hưng - Từ 2008 đến 2008 : Phó TGD thường trực Cty CP Chứng Khoán Đông Dương - Từ 2008 đến nay : Phó Chủ tịch thường trực công ty CP Giấy Viễn Đông (Nay là Cty CP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông) - Từ 3/2009 đến nay: Chủ tịch Công ty CP Mai Lan - Từ 2009 đến nay: Tổng Giám Đốc Cty CP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông			
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013	Cá nhân: 5.500 cổ phần.		
Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	0,06%		

2. Ông Bùi Quang Khoa			
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị			
Quốc tịch	Việt Nam	Năm sinh	1977
		Nơi sinh	Huế
Trình độ văn hóa	12/12	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Ngoại thương
Dân tộc	Kinh	Số điện thoại liên lạc	84.8.3842633
Quá trình công tác:			
- Từ 01/1999 đến 5/2002 : Trợ lý GD, TP Sản xuất KD Cty TNHH SX TM Minh Phúc - Từ 5/2002 đến 4/2006 : PGĐ Phụ trách XNK Cty Phụ tùng Cơ Giới Trường Hải. Trưởng bộ phận phụ trách tuyến Châu Âu hãng tàu Kline, Cty liên doanh Vinabridge. - Từ 05/2006 đến 11/2006 : Trợ lý HĐQT Cty CP Giấy Viễn Đông			

2. Ông Bùi Quang Khoa	
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
■ Từ 12/2006 đến 10/2008 : GD điều hành Cty CP Giấy Viễn Đông, thành viên HĐQT Cty CP Chè Cafe Di Linh, Cty CP Chè Minh Rồng. ■ Từ 2009 đến nay : TGD Ladotea. Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông.	
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 18/03/2013	■ Cá nhân: 55.000 cổ phần.
Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	■ Cá nhân: 0,57%

Các thành viên Hội đồng quản trị còn lại đã được nêu ở phần Danh sách Ban điều hành Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tiểu ban truyền thông và quan hệ cổ đông:

STT	Thành viên	Nhiệm vụ
1	Ông Bùi Nam Long	Trưởng ban
2	Ông Võ Trần Quốc	Thành viên
3	Bà Lê Thị Thanh Tuyền	Thành viên

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

c.1. Công tác quản trị công ty

HĐQT nhiệm kỳ II, đã cố gắng tập trung nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả công tác quản trị công ty, bảo đảm phù hợp với luật định hiện hành, Điều lệ, và thực tiễn trong hoạt động kinh doanh, chiến lược đầu tư phát triển từng giai đoạn. Các nội dung chủ yếu về công tác quản trị công ty như sau:

Cập nhật và duy trì các quy chế quản trị công ty.

- Quy chế quản lý nội bộ công ty: phân cấp quản lý, chế độ giám sát, chế độ làm việc trong và giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc; thực hiện báo cáo quản trị công ty định kỳ hàng quý và năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở GDCK TP.HCM.
- Quy chế quản lý tài chính: thực hiện báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng (soát xét), và cả năm (kiểm toán) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở GDCK TP.HCM.
- Qui định về văn hóa ứng xử và trách nhiệm điều hành công ty cũng như lãnh đạo các phòng ban trong công ty phải có tinh thần tự trọng, biết nói lời xin lỗi, và sẵn sàng thực hiện văn hóa từ chức khi không hoàn thành nhiệm vụ, gây thiệt hại cho công ty,...

Thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ, đăng ký doanh nghiệp và cơ cấu vốn cổ đông.

- Bổ sung Điều lệ công ty trong nhiệm kỳ II theo điều lệ mẫu đối với các công ty niêm yết và căn cứ theo Luật doanh nghiệp.
- Đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 11 (2012) tăng vốn điều lệ công ty từ 87.000.000.000 đồng lên 95.699.830.000 đồng.

c.2. Chỉ đạo, giám sát hoạt động SXKD, và chiến lược đầu tư phát triển Công ty

Nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, riêng tại Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn tiềm ẩn về kinh tế, vì thế HĐQT nhiệm kỳ II tiếp tục theo dõi sát chính sách chủ trương định hướng trong việc điều hành chung của chính phủ, tăng cường và duy trì chỉ đạo, giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và CBQL thông qua việc áp dụng chế độ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD, đầu tư tài chính (dài hạn) tại các cuộc họp thường kỳ, các cuộc họp mở rộng, hoặc báo cáo theo yêu cầu.

Về sản xuất kinh doanh: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 và xét duyệt kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2013 theo tình hình chung của nền kinh tế, chuẩn bị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua.

Về đầu tư phát triển: Phê duyệt các phương án hợp tác kinh doanh chuyển tiếp từ những năm trước và tiếp tục chỉ đạo quá trình tái cơ cấu Công ty, gắn với tái cơ cấu tài chính - đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty thành viên, liên doanh, liên kết.

Về phát triển nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa công ty:

Hoạch định và phê duyệt tổ chức bộ máy, nhân sự CBQL điều hành các cấp của Công ty.

Chỉ đạo quá trình xây dựng văn hóa công ty, định hướng phát triển cán bộ nhân viên toàn diện, với mục tiêu đem lại giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư và CBCNV Công ty.

Các cuộc họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-SVT-ĐHĐCĐ	21/04/2012	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2011
02	01/BB-HĐQT	23/04/2013	Thay đổi chức danh HĐQT
03	02/NQ-HĐQT	23/04/2012	Thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT: Bà Nguyễn Thị Thu từ nhiệm Chủ tịch HĐQT và Ông Võ Nguyên Khôi đảm nhận chức danh Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 03/05/2012
04	03/BB-HĐQT	27/09/2012	Biên bản họp HĐQT về việc xử lý cổ phiếu lẻ để trả cổ tức và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm
05	03/NQ-HĐQT	28/9/2012	Nghị Quyết HĐQT thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ và niêm yết bổ sung cổ phiếu để trả cổ tức
06	04/BB-HĐQT	26/12/2012	Biên bản họp HĐQT về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty liên kết
07	04/NQ-HĐQT	26/12/2012	Nghị Quyết HĐQT thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của công ty liên kết cho cá nhân bên ngoài

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và theo dõi, giám sát công tác quản lý của Ban Tổng Giám đốc.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Tiểu ban truyền thông và quan hệ cổ đông:

- Công bố thông tin: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011; Báo cáo tài chính quý 1,2,3,2012; Báo cáo thường niên năm 2011.
- Công bố thông tin về kết quả tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2011.
- Tập huấn thông tư 130 và thông tư 52/2012/TT-BTC
- Công bố thông tin về việc thay đổi số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức
- Công bố thông tin về việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11
- Công bố thông tin về việc thay đổi số lượng cổ phiếu đang sở hữu đối với Công ty liên kết.

Thường xuyên cập nhật các Thông tư, Nghị định, các công văn mới do Bộ Tài Chính, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM ban hành; Qua đó công tác công bố thông tin định kỳ và thông tin thường xuyên khác được đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều được đào tạo qua các chương trình quản lý cấp cao.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Bà Nguyễn Thị Hoài Dung	Trưởng ban	1.100	0,01
2	Bà Nguyễn Thị Bông	Thành viên	220	0,00
3	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Thành viên	0	0
Tổng cộng			1.320	0,01

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- + Tham dự các buổi họp theo thư mời của HĐQT, BTGD
- + Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011.
- + Trình HĐQT về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012.
- + Xem xét các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu và nội dung trên báo cáo.

+ Thẩm định báo cáo tài chính năm 2012.

- Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

+ Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban tổng giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, tôn trọng và chấp hành Điều lệ Công ty, bảo đảm lợi ích chung của công ty;

+ Phối hợp với HĐQT, Ban tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các quyết định và nghị quyết của HĐQT đến các bộ phận trong công ty, các cổ đông về các vấn đề: Hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên...

+ Định kỳ hàng quý trao đổi cùng HĐQT, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

+ Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát trong năm: Trong năm 2012, HĐQT và BKS đã không nhận tiền thù lao nhằm góp phần chia sẻ khó khăn cùng Công ty.

+ Tiền lương của Ban Giám đốc (Tổng) trong năm là 528.484.000 đồng, bình quân 14.680.000 đồng/người/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Ngoài cổ tức được nhận bằng cổ phiếu thì không có phát sinh giao dịch nào.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không phát sinh

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:



Số: 06.12.449/AISC-DN6

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 17 tháng 01 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG từ trang 5 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; Đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Phan Thị Mỹ Huệ

Số chứng chỉ KTV: 0536/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Tp. HCM, ngày 29 tháng 03 năm 2013

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Diệu Thúy

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng: 36 Ha Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ: 5D, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5519 Fax: (0511) 371 5620

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aisc@da.ng.vnn.vn

Email: aisc@ct.vnn.vn

Email: aisc@hp.vnn.vn

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		55.904.132.108	68.314.172.367
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.145.979.697	225.789.124
1. Tiền	111		1.145.979.697	225.789.124
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.938.475.629	48.571.181.936
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	41.289.335.286	40.332.256.878
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	56.795.000	6.620.101.285
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	6.592.345.343	1.618.823.773
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	6.629.782.033	19.179.731.750
1. Hàng tồn kho	141		6.629.782.033	19.179.731.750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		189.894.749	337.469.557
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	54.394.749	229.469.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	135.500.000	108.000.000

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

Trang 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		75.371.007.253	82.704.501.608
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.686.708.830	24.619.922.324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2.244.914.551	2.808.795.665
- Nguyên giá	222		11.616.976.863	11.616.976.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.372.062.312)	(8.808.181.198)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	11.733.329
- Nguyên giá	228		241.351.000	241.351.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(241.351.000)	(229.617.671)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	22.441.794.279	21.799.393.330
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	50.650.652.335	57.996.902.652
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.975.000.000	33.225.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		54.309.011.652	31.502.511.652
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.633.359.317)	(6.730.609.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		33.646.088	87.676.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.646.088	87.676.632
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		131.275.139.361	151.018.673.975

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

Trang 6

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		20.823.325.102	40.934.079.327
I. Nợ ngắn hạn	310		11.595.123.605	29.609.036.719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	2.900.841.111	6.546.699.022
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	2.161.581.250	15.215.730.182
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	4.112.957.135	3.944.590.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	303.033.359	1.388.630.173
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.16	24.929.380	209.510.052
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	1.797.552.962	1.948.777.182
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		294.228.408	355.099.408
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.228.201.497	11.325.042.608
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	9.228.201.497	11.325.042.608
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

Trang 7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		110.451.814.259	110.084.594.648
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	110.451.814.259	110.084.594.648
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		95.699.830.000	87.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(146.882.984)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.526.899.032	3.526.899.032
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.824.070.176	1.637.807.534
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.601.015.051	13.266.771.066
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.275.139.361	151.018.673.975

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	V.01	100,62	100,41
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

VÕ TRẦN QUỐC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật



VÕ NGUYỄN KHÔI

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

Trang 8

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	75.686.968.314	229.248.136.473
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	669.480.950	593.329.647
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.017.487.364	228.654.806.826
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	67.312.538.060	215.782.199.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.704.949.304	12.872.606.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.613.952.460	2.575.774.628
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	4.541.034.822	4.203.949.905
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		322.911.284	434.464.037
8. Chi phí bán hàng	24	VI.06	2.691.812.382	3.882.722.585
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	2.239.004.354	3.753.826.310
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		(152.949.794)	3.607.882.730
11. Thu nhập khác	31	VI.08	488.967.270	969.658.176
12. Chi phí khác	32	VI.09	115.680.849	238.453.346
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		373.286.421	731.204.830
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		220.336.627	4.339.087.560
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	613.834.711
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		220.336.627	3.725.252.849
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	25,10	428

Kế toán trưởng



VÕ TRẦN QUỐC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật



VÕ NGUYỄN KHÔI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	220.336.627	4.339.087.560
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định	02	575.614.443	624.548.087
- Các khoản dự phòng	03	3.902.750.317	3.649.088.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(146.995.400)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.614.424.384)	(2.573.288.283)
- Chi phí lãi vay	06	322.911.284	434.464.037
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	3.407.188.287	6.326.904.001
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	605.206.307	(10.617.124.903)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	12.549.949.717	1.905.430.673
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(13.266.440.103)	2.225.669.508
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	229.105.352	166.760.100
- Tiền lãi vay đã trả	13	(322.911.284)	(406.097.368)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.040.744.100)	(282.859.221)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(60.871.000)	(273.699.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.100.483.176	(955.016.910)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(642.400.949)	(8.955.234.530)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	800.000.000
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(1.250.000.000)	(5.008.271.200)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	4.693.500.000	3.045.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	1.613.878.929	578.288.283
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	4.415.523.435	(10.340.217.447)

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo tài chính này.

Trang 10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHI TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.265.000.000	17.806.003.568
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.860.703.622)	(7.693.304.040)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.595.703.622)	10.112.699.528
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50	920.302.989	(1.182.534.829)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	225.789.124	1.408.211.537
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(112.416)	112.416
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.145.979.697	225.789.124

Kế toán trưởng

VÕ TRẦN QUỐC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật

VÕ NGUYÊN KHÔI

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo tài chính này.

Trang 11

Ghi chú: Toàn bộ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán được đăng trên website:
www.savitechco.com.vn

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



Võ Nguyên Khôi

